

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2020/HNGĐ-ST.**

Ngày: 09 - 6 - 2020.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

giữa chị H và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Ry**

- Ông **Lưu Đức Vinh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **09** tháng **6** năm **2020** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 278/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Phan Thị Kiều H**, sinh năm: 1991. Địa chỉ cư trú: Xóm 5, Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Có mặt*).

*** Bị đơn:** Anh **Hà Quốc T**, sinh năm: 1992. Địa chỉ cư trú: Xóm 5, Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Kiều H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 09/8/2013, hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Chị H cho rằng: Quá trình chung sống do tính tình không hợp, anh T có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có H phúc. Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Còn anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của anh T tại Tòa án.

- *Về con chung*: Chị H trình bày: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Hà Phan Bảo Tr, sinh ngày 02/9/2014. Hiện nay cháu Tr đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr đến đủ tuổi thành niên và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2020 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị Phan Thị Kiều H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Phan Thị Kiều H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “Ly hôn” với anh Hà Quốc T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Hà Quốc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ (tổng đạt cho người thân thích) nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Quốc T là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 09/8/2013, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Quá trình chung sống do tính tình không hợp, anh T có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T. Còn anh T, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Ngày 04/11/2019 anh T cũng đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án và cho rằng anh T không còn tình cảm và bất mãn không sống chung được nữa. Chị H cũng đã cung cấp cho Tòa án các biên bản xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; xử cho chị H được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Hà Phan Bảo Tr, sinh ngày 02/9/2014. Hiện nay cháu Tr đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến đủ tuổi thành niên.

Xét thấy, hiện nay cháu Tr còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định với chị H. Chị H cho rằng mình có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc con chung. Vì vậy để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nhận nuôi con chung; giao cháu Tr cho chị H tiếp tục có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ bắt đầu từ tháng 01/2020 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt nên không có căn cứ để xem xét việc làm và mức thu nhập hàng tháng của anh T. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng mà chị H yêu cầu là phù hợp nên cần chấp nhận. Tuy nhiên về thời gian cấp dưỡng chị H yêu cầu từ tháng 01/2020 là không phù hợp nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về án phí*: Buộc chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Buộc anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kiều H đối với anh Hà Quốc T về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho chị Phan Thị Kiều H được ly hôn với anh Hà Quốc T.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Hà Phan Bảo Tr, sinh ngày 02/9/2014 cho chị Phan Thị Kiều H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Anh Hà Quốc T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Hà Phan Bảo Tr hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*); thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hà Phan Bảo Tr đủ tuổi thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Phan Thị Kiều H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0019484 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Phan Thị Kiều H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hà Quốc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

